

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/DS-PT

Ngày 11 tháng 5 năm 2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Từ Kim Phượng**

Các Thẩm phán:

Bà **Hoàng Thị Hải Hà**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Ông **Trương Minh Bạch**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLPT- DS ngày 06 tháng 3 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TVT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng P** - sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh CM.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu H** - sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh CM.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lâm Thị P** - sinh năm 1965;
Địa chỉ: Thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh CM.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lâm Thị P: Ông Nguyễn Hữu H (chồng của Bà P, theo văn bản ủy quyền ngày 14/12/2016).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H có giao dịch mua bán với nhau, cụ thể: Ông H là chủ Doanh nghiệp tư nhân H tại thị trấn SĐ, huyện TVT, tỉnh CM bán một số trang thiết bị đóng tàu cho bà, bà sẽ thanh toán dần cho Ông H theo tiến độ cung cấp

hàng. Theo thỏa thuận mua bán, Ông H giao cho bà bản sao các hóa đơn (phiếu giao hàng), còn bản chính thì doanh nghiệp giữ lại.

Ngày 25/4/2016, bà có trả cho Doanh nghiệp tư nhân H số tiền 20.000.000 đồng. Người ký nhận tiền là bà Lâm Thị P (vợ Ông H).

Ngày 26/4/2016, bà tiếp tục thanh toán cho Doanh nghiệp tư nhân H số tiền 20.000.000 đồng, Ông H trực tiếp ký nhận tiền.

Sau vài ngày, bà nhận được phiếu giao hàng của Ông H thì phát hiện Ông H không trừ đi số tiền 20.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà Lâm Thị P ngày 25/4/2016. Bà có liên hệ với Ông H thì Ông H trả lời rằng để chú cháu đổi chiếu lại. Khi thanh toán công nợ đầy đủ nhưng Ông H chưa trừ đi khoản tiền 20.000.000 đồng. Bà yêu cầu Ông H trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày: Ông và vợ là Lâm Thị P có giao dịch mua bán với bà Lê Thị Hồng P đúng như Bà P trình bày. Ông là chủ Doanh nghiệp tư nhân H cung cấp một số trang thiết bị đóng tàu cá cho bà Lê Thị Hồng P.

Ngày 25/4/2016, bà Lê Thị Hồng P có trả cho vợ ông số tiền 20.000.000 đồng nhưng qua ngày 26/4/2016 vợ ông mới đưa lại cho ông, vì vậy phiếu giao hàng ngày 29/4/2016 ông mới ghi “26.4 P trả Sương 20.000.000 đồng”. Ông xác định ngày 26/4/2016 ông không trực tiếp nhận 20.000.000 đồng của bà Lê Thị Hồng P nên ông không đồng ý trả số tiền này theo yêu cầu của Bà P.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2017/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TVT quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, Điều 428; Điều 438 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P. Buộc ông Nguyễn Hữu H và bà Lâm Thị P trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/01/2017 ông Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng P, vì Bà P chỉ trả cho vợ ông số tiền 20.000.000 đồng ngày 25/4/2016, đến ngày 26/4/2016 vợ ông đưa cho ông số tiền này nên ông nhập vào sổ doanh nghiệp vào ngày 26/4/2016, chứ thực tế ngày 26/4/2016 bà Lê Thị Hồng P không có trả khoản tiền nào cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu H giữ nguyên kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Về tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, không

chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có giao dịch mua bán một số trang thiết bị đóng tàu, Ông H là người bán, Bà P là người mua. Theo Ông H việc mua bán giữa ông với Bà P đã được thanh toán xong vào ngày 01/7/2016 giữa ông với Bà P không ai nợ ai; việc Bà P cho rằng trong quá trình mua bán, ngày 25/4/2016 Bà P trả cho vợ ông (bà Lâm Thị P) 20.000.000 đồng, ngày 26/4/2016 Bà P trả cho ông 20.000.000 đồng, khi đối chiếu công nợ ông không đưa vào 20.000.000 đồng Bà P trả cho vợ ông nên Bà P đòi ông trả lại 20.000.000 đồng là không đúng, vì thực tế ngày 26/4/2016 Bà P không có trả cho ông 20.000.000 đồng, trong sổ sách theo dõi ông ghi ngày 26/4/2016 Bà P trả 20.000.000 đồng là số tiền Bà P trả cho vợ ông, vợ ông đưa lại cho ông nên ông ghi vào ngày 26/4/2016 Bà P trả 20.000.000 đồng và số tiền này đã đưa vào đối chiếu công nợ với Bà P ngày 01/7/2016, ông xác định không còn thiếu Bà P 20.000.000 đồng như Bà P yêu cầu. Đối với bà Lê Thị Hồng P xác định ngày 25/4/2016 bà trả cho bà Lâm Thị P (vợ Ông H) số tiền 20.000.000 đồng thể hiện trên phiếu giao hàng ngày 03/4/2016 và ngày 26/4/2016 bà trực tiếp trả cho Ông H 20.000.000 đồng được thể hiện trên phiếu giao hàng ngày 29/4/2016, nhưng 20.000.000 đồng bà trả ngày 26/4/2016 Ông H đã đối trừ cho bà vào ngày 01/7/2016, riêng số tiền bà trả cho bà Lâm Thị P ngày 25/4/2016 chưa được đối trừ nên số tiền này bà yêu cầu Ông H trả lại cho bà.

Qua lời trình bày của các bên đương sự thì Bà P và Ông H chỉ tranh chấp nhau số tiền 20.000.000 đồng thanh toán vào các ngày 25/4/2016 và ngày 26/4/2016. Thấy rằng, theo phiếu giao hàng ngày 03/4/2016 thể hiện ngày 25/4/2016 Bà P (vợ Ông H) đã nhận của Bà P 20.000.000 đồng là có, được Ông H thừa nhận. Tuy nhiên, Ông H cho rằng phiếu giao hàng ngày 29/4/2016 có ghi “26.4 P trả Sương 20.000.000 đồng” đây là tiền mà Bà P đã gửi cho Ông H ngày 25/4/2016 là không có căn cứ. Bởi vì tại phiếu giao hàng ngày 29/4/2016 có ghi “26.4 P trả 20.000.000 đồng” (BL75) là chỉ thể hiện số tiền Bà P trả 20.000.000 đồng, không thể hiện hiện số tiền này bà Lê Thị Hồng P trả cho bà Lâm Thị P ngày 25/4/2016; ngoài ra Ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh ngày 26/4/2016 ông không nhận trực tiếp từ bà Lê Thị Hồng P số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, phiếu giao hàng ngày 29/4/2016 thể hiện ngày 26/4/2016 Bà P đã trả cho Ông H 20.000.000 đồng, Ông H đã ký đối trừ, riêng 20.000.000 đồng trả ngày 25/4/2016 tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2016 (bút lục số 72) thể hiện

Ông H chưa đổi trả cho Bà P, trong khi Bà P đã thanh toán xong tiền hàng cho Ông H nên 20.000.000 đồng này là tiền dư ra sau khi hai bên đã thanh toán xong, vì vậy Bà P yêu cầu Ông H trả lại số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà P, buộc Ông H trả cho Bà P số tiền 20.000.000 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của Ông H để giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 17/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện TVT.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 23/01/2017 ông Nguyễn Hữu H có dự nộp 300.000 đồng lại số 0006562 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TVT được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Kim Phụng

